TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 388/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2023
V/v *"Tranh chấphôn nhân và gia đình- Xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng*** *: Khôngtham gia phiên tòa*

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 136/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 2 năm 2023 vụ tranh chấp Hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa v ụ án ra xét xử sơ thẩm số : 203/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa;

1.Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc V, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Ngọc V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/8/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống,

thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh T có quan hệ ngoại tình với người khác rồi bỏ nhà đi không về, chị đã nhiều lần điện thoại nhưng anh T không chịu về nhà sống chung, chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng tháng 3/2022 cho đến nay. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T; Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/6/2013 hiện đang ở với chị, chị xin được nuôi cháu G, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung,nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên t òa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung" giữa chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền g iải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh T đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tống đạt nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngọc T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị V và anh T trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2011, anh chị có đăng kí kết hôn vào ngày 17/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, khôngquan tâm chăm sóc nhau, cũng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị V và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh T nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án biết về việc chị V xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằnghôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ khi chị V và anh T sống ly thân cho đến nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mạnh ai người đó sống.

Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Xử chấp nhận cho chị Trịnh Ngọc V được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

{2.2}Về con chung : Anh - chị có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/6/2013, hiện nay đang với chị, chị xin được tiếp tục nuôi cháu G, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh T nhưng anh T không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị V xin được nuôi cháu G. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị V và anh T sống ly thân cho đến nay, cháu G sống với chị V, chị vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần , anh T không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc chị V nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai cháu G có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu xinđược ở với mẹ, việc tự nguyện trên của cháu không bị ép buộc. Ngoài ra, xét về khả năng kinh tế tại phiên tòa hôm nay chị V xác định có thu nhập ổn định từ việc đi làm công ty nên đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dạy con. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình ; Xử giao cháu G cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyềnngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , điểm a khoản 5 Điều 27của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trịnh Ngọc V phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 3543 ngày 24/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Chị V đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147,điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng ánphí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Chấp nhận cho chị Trịnh Ngọc V được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/6/2013 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom , chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí:Án phí ly hôn sơ thẩm ch ị Trịnh Ngọc V phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 3543 ngày 24/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị V đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị V được tính kể ngày tuyên án (ngày 14/7/2023). Anh T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng*